

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi Fitch Ratings cho biết có thể nâng xếp hạng khả năng hoạt động của hầu hết các ngân hàng Việt Nam cao hơn một bậc nếu tỷ lệ vốn cốt lõi cao hơn 2 - 3 điểm phần trăm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

GMD, MBB

## [Cập nhật công ty]

PC1

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

06/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,522.90	+0.19
VN30	1,557.11	+1.16
HĐTL VN30F1M	1,540.30	+0.98
HNXIndex	446.83	-2.03
HNX30	814.17	-2.71
UPCoM	116.84	-0.73
USD/VND	22,868	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.71	+27
Lãi suất qua đêm (%)	2.09	+17
Dầu (WTI, \$)	103.19	+1.21
Vàng (LME, \$)	1,931.62	+0.42

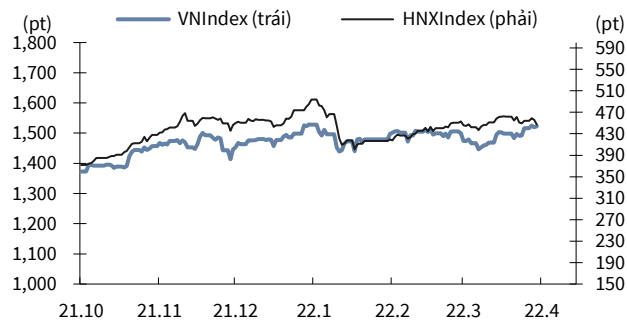


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,522.90 (+0.19%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>944.0 (+49.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,312.6 (+37.6%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>446.83 (-2.03%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>117.0 (+24.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>159.5 (+41.7%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>116.84 (-0.73%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>67.7 (-25.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>50.9 (-6.1%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+3.5</b>

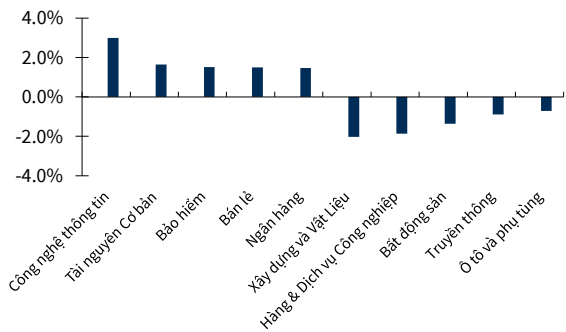
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi Fitch Ratings cho biết có thể nâng xếp hạng khả năng hoạt động của hầu hết các ngân hàng Việt Nam cao hơn một bậc nếu tỷ lệ vốn cốt lõi cao hơn 2 - 3 điểm phần trăm. Cổ phiếu ngành ngân hàng tăng ở VPB (+4.3%), VCB (+1.9%). Ngân hàng Nhà nước cho biết sẽ kiểm soát chặt hơn nữa dòng tiền chảy vào bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán của những doanh nghiệp có biểu hiện chưa lành mạnh, mang tính chất đầu cơ, cổ phiếu ngành bất động sản giảm ở VIC (-2.2%), DXG (-1.4%). Theo ước tính của Bộ Công Thương, xuất khẩu cao su trong tháng 3 đạt 130 nghìn tấn, trị giá 233 triệu USD, tăng 27.9% về lượng và tăng 28.2% về trị giá so với tháng 2, cổ phiếu ngành cao su tăng ở TNC (+6.9%), GVR (+1.6%). Khối ngoại mua ròng ở DXG (-1.4%), STB (+1.7%), SSI (+0.7%).

VNIndex & HNXIndex



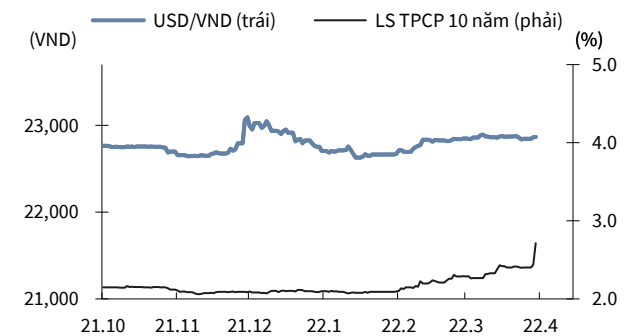
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

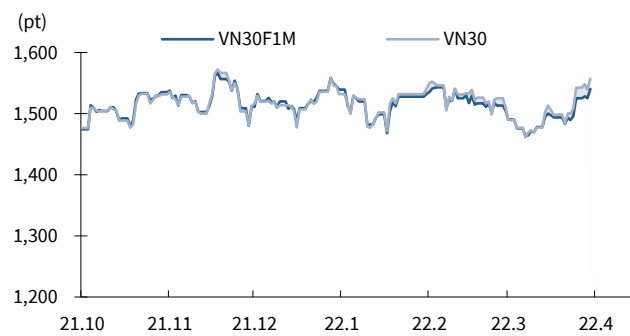
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,557.11 (+1.16%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,540.3 (+0.98%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,519.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,550.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,517.8</b>

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -13.9 điểm sau đó giảm mạnh xuống mức -20.7 điểm rồi thu hẹp biên độ, và đóng cửa ở mức -14.7 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

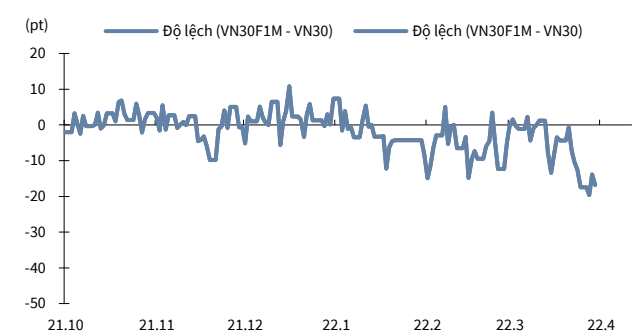
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>191,135 (+80.0%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



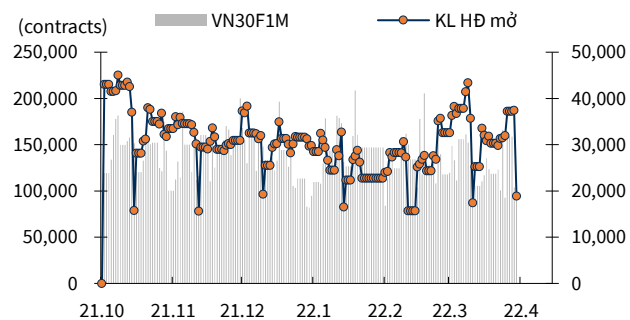
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



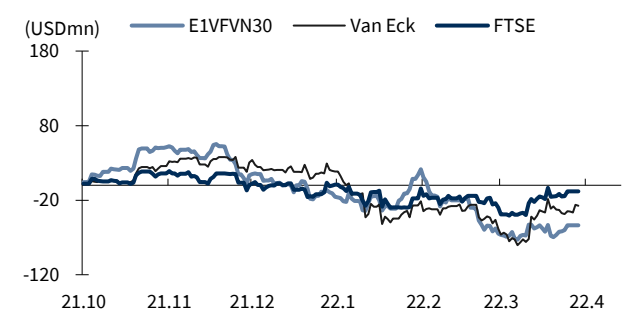
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

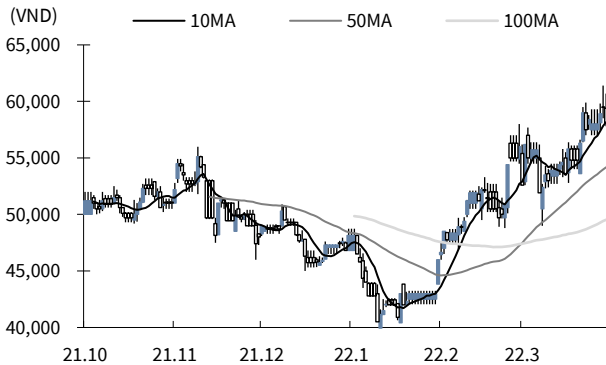
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Gemadept (GMD)

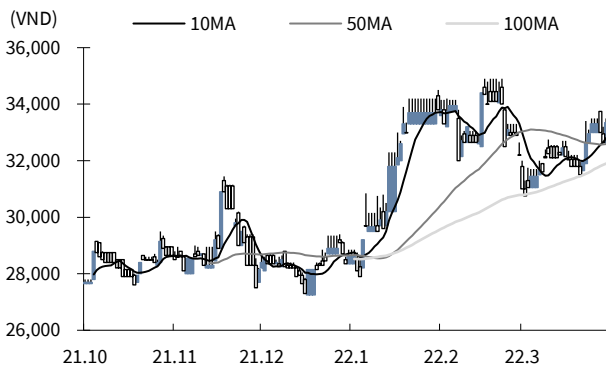


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GMD giảm 2.35% xuống 58,100 VND/cp

- Gemadept trình phương án phát hành hơn 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 20,000 đồng/cp. Tổng số tiền 2,009 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành dùng để phục vụ hoạt động kinh doanh, cụ thể sẽ trích 800 tỷ đồng (39.8%) đầu tư vào CTCP Cảng Nam Đình Vũ để mở rộng giai đoạn 2 và góp vốn vào các dự án cảng thủy nội địa; 1,000 tỷ đồng (49.8%) đổ vào CTCP Cảng Cái Mép – Terminal Link để thực hiện đầu tư mở rộng giai đoạn 2; và 209 tỷ (10.4%) đồng để mua sắm tài sản cố định phát triển hoạt động kinh doanh. Sau phát hành, vốn điều lệ dự kiến đạt 4,018.4 tỷ đồng.

## Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 2.14% lên 33,350 VND/cp

- MBB dự kiến tổng tài sản năm 2022 sẽ tăng 15% lên 700,000 tỷ đồng và đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 20,300 tỷ đồng, tăng 23% YoY.

- MBB thông báo sẽ tìm kiếm, lựa chọn và triển khai phương án nhận chuyển giao bắt buộc một tổ chức tín dụng theo chủ trương, định hướng của Chính phủ, NHNN và nghị quyết ĐHĐCĐ.

06/04/2022

**Mảng xây lắp điện được hưởng lợi nhờ vào kế hoạch đầu tư xây lắp điện trung bình năm giai đoạn 2021-2045 gấp 2 lần giai đoạn 2016-2020**

**Lợi nhuận mảng điện gió sẽ thuận lợi trong 2022 còn mảng thủy điện sẽ tích cực trong dài hạn**

**Mảng BĐS và mỏ khoáng sản sẽ là động lực tăng trưởng mới trong giai đoạn tới**

**Khuyến nghị MUA cổ phiếu PC1 với giá mục tiêu 58,300 VNĐ/cổ phiếu**

Với nhu cầu điện ngày càng cao, trong các năm qua, Chính phủ liên tục đầu tư vào các trạm biến áp và đường dây truyền tải. Theo chúng tôi tính toán dựa trên Dự thảo QHĐ VIII, khối lượng công việc trung bình năm của cả đường dây và trạm đều đạt mức tăng trưởng 3 chữ số và sẽ đem lại tăng trưởng CAGR = 25%/năm cho PC1 trong giai đoạn 5 năm tới.

Chúng tôi kì vọng 3 nhà máy điện gió của PC1 sẽ hoạt động ổn định với sản lượng tiêu thụ cao trong năm 2022 do giá bán điện gió hiện đang cạnh tranh hơn so với nhiệt điện trong bối cảnh giá nhiên liệu tăng cao, đồng thời các nhà máy thủy điện lại gặp khó khăn do tình hình thủy văn không thuận lợi trong năm 2022. Đối với mảng thủy điện, chúng tôi cho rằng đây sẽ là một năm kém tích cực với thủy điện khi La Nina có thể sẽ kết thúc vào Quý 3/2022. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sản lượng thủy điện sẽ bùng nổ khi PC1 đưa vào vận hành lần lượt 4 nhà máy thủy điện mới, giúp tăng tổng công suất mảng thủy điện lên 50%.

Chúng tôi kì vọng PC1 sẽ bàn giao đúng kế hoạch và thu được tổng cộng 3.2 nghìn tỷ VNĐ doanh thu và 1.2 nghìn tỷ VNĐ lợi nhuận gộp trong giai đoạn 2022-2025. Thêm vào đó, 3 KCN chuẩn bị được mở bán trong giai đoạn tới sẽ đóng góp từ 600-1,000 tỷ lợi nhuận từ doanh thu liên doanh – liên kết trong giai đoạn 2023-2026. Ngoài ra, mỏ khoáng sản Nickel mới sở hữu sẽ đi vào hoạt động trong 2023, góp phần đem lại nguồn doanh thu lớn cho PC1 trong bối cảnh nhu cầu và giá Nickel đang tăng mạnh trong những năm tới.

Dựa trên tiềm năng và rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA cổ phiếu PC1 theo phương pháp Định giá từng phần (SOTP) với mức giá mục tiêu 58,300 VNĐ/cổ phiếu, upside 25.9% so với giá đóng cửa ngày 05/04/2022.

## Mua

**Giá mục tiêu VNĐ**  
**58,300**

Tổng mức sinh lời (%) 25.9%  
Giá hiện tại (06/04/2022) VNĐ 42,300  
Giá mục tiêu thị trường VNĐ 51,800

### Dự phóng KQKD & định giá

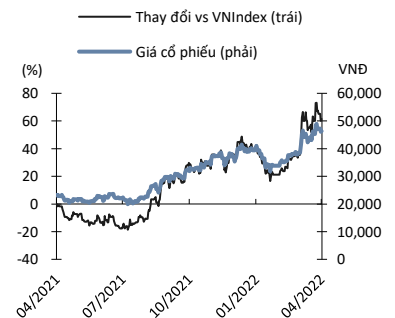
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	6,679	9,813	9,387	13,063
EBIT	823	850	1,547	2,524
LN sau CĐTS	513	691	978	2,045
EPS (VNĐ)	2,682	3,003	4,158	8,695
Thay đổi EPS (%)	19.4	12.0	38.0	109.0
P/E (x)	6.9	13.1	14.0	6.7
EV/EBITDA (x)	6.0	14.5	9.9	6.6
P/B (x)	0.7	1.7	1.9	1.3
ROE (%)	11.4	12.2	13.0	18.6
Tỷ suất cổ tức (%)	0.4	0.3	0.0	0.0

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	74.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	96.83
Sở hữu nước ngoài (%)	44.9%
Cổ đông lớn	CTCP BEHS (24.04%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
PC1	20.3	12.9	45.4	101.3
VNINDEX	19.1	13.1	29.6	64.2

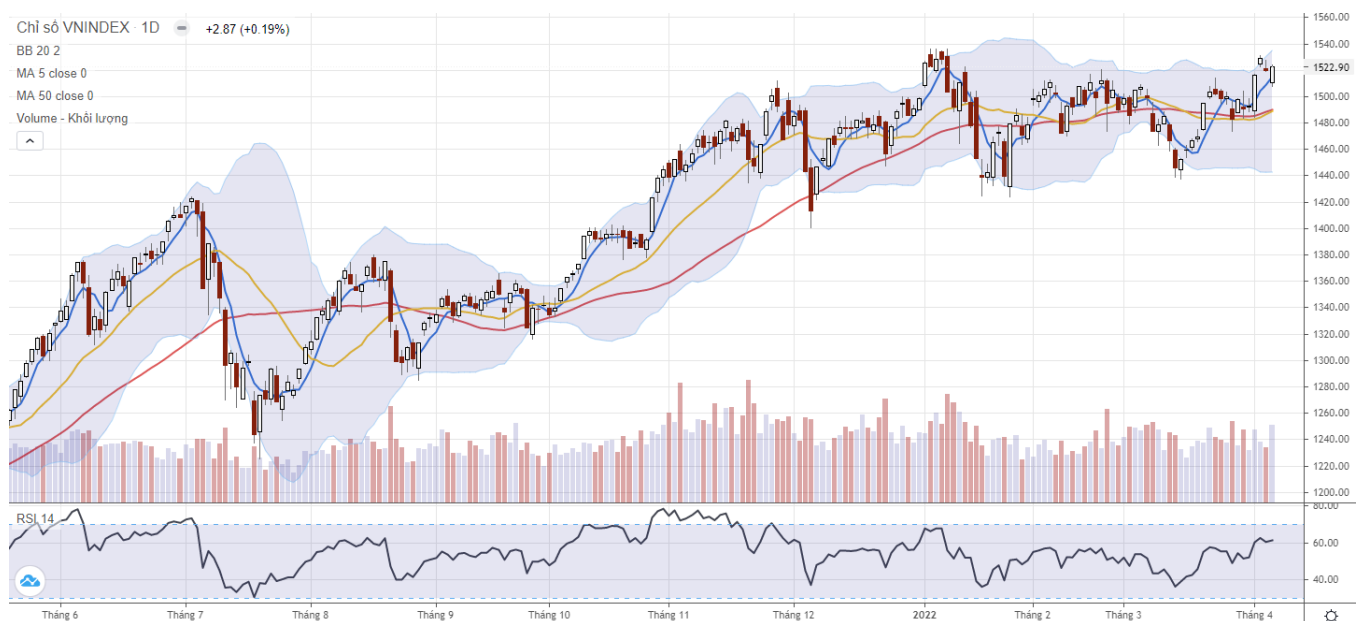


Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

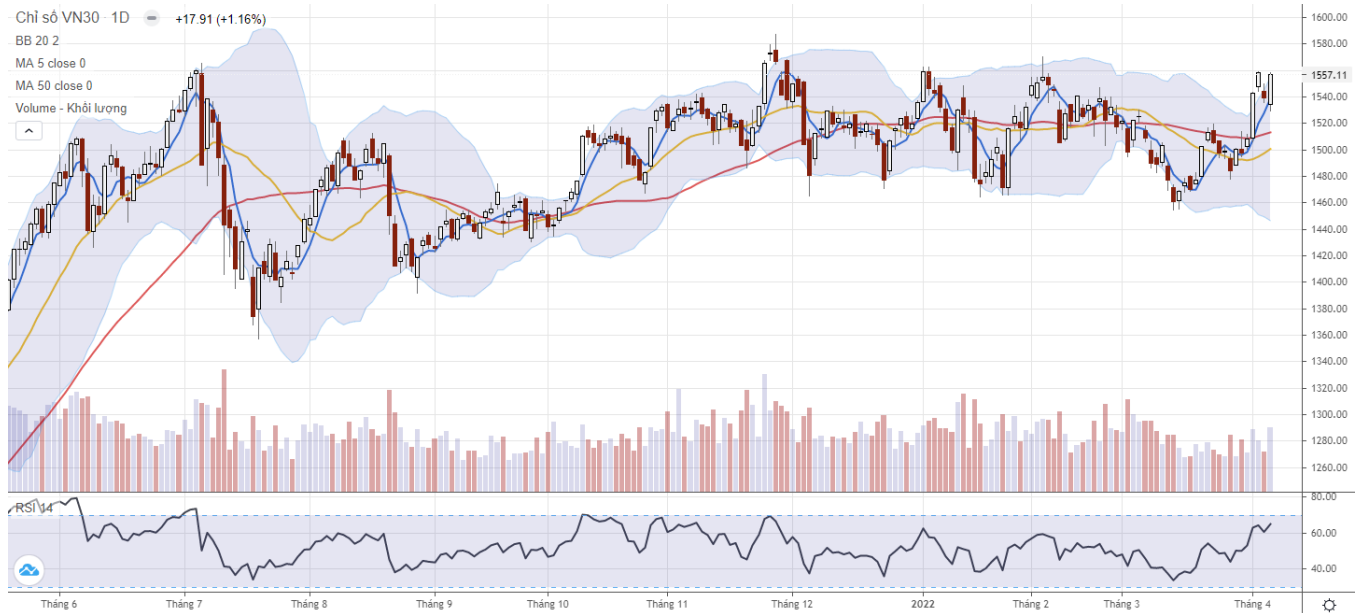
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



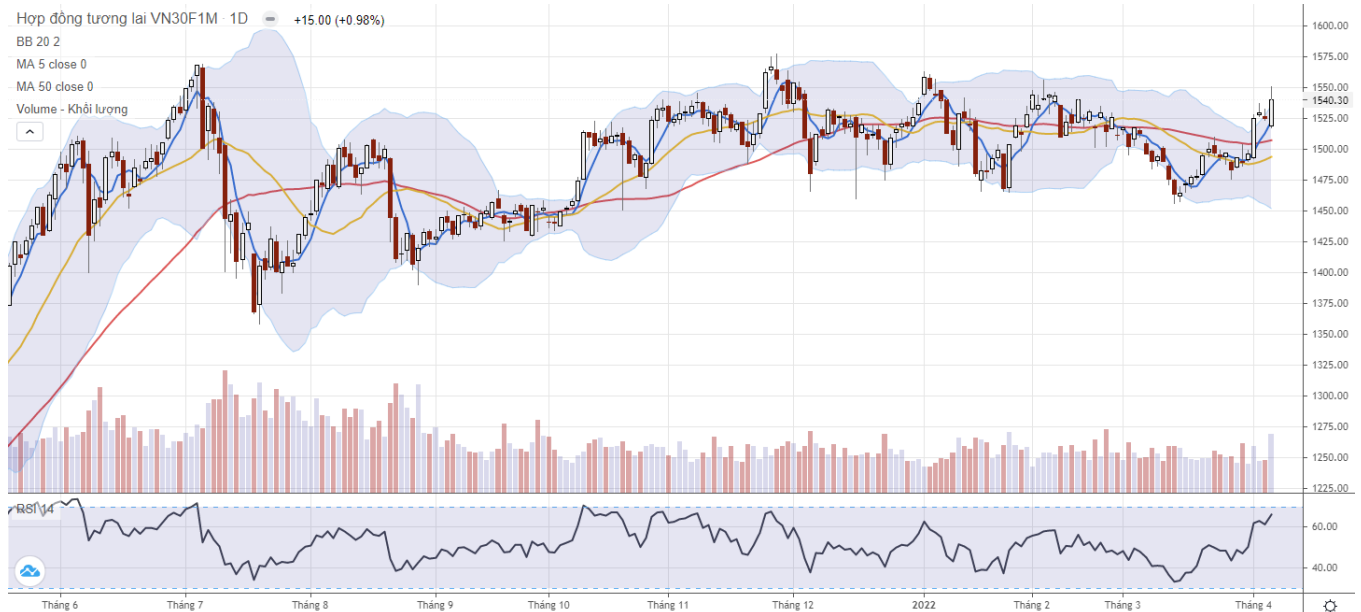
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- V#FTMBulletBody VNIndex trải qua một nhịp lao dốc mạnh trong phiên trước khi sớm hồi phục và lấy lại phần lớn điểm số đã mất về cuối phiên.
- Sau khi thử thách lại vùng hỗ trợ gần quanh 150x, chỉ số đã có một nhịp hồi phục khá tích cực cùng thanh khoản cải thiện. Với việc sớm lấy lại đà tăng điểm, cơ hội bứt phá vùng kháng cự gần quanh 1530 và thử thách lại vùng đỉnh cũ của VNIndex đang có phần chiếm ưu thế.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1558 - 1562

Kháng cự gần: 1548 - 1551

Hỗ trợ gần: 1526 - 1530

Hỗ trợ xa: 1513 - 1518

- F1 tăng điểm hưng phấn ngay từ đầu phiên trước khi có phần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Sau khi thử thách lại vùng hỗ trợ gần quanh 151x, chỉ số đã có một nhịp tăng điểm khá tích cực và chinh phục vùng cản gần quanh 153x. Với việc sớm lấy lại đà tăng điểm, F1 đang có nhiều cơ hội bứt phá vùng kháng cự kế tiếp quanh 155x và thử thách lại vùng đỉnh cũ.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại các vùng hỗ trợ.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

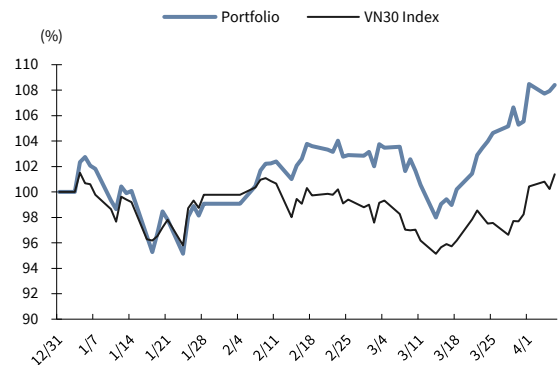
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.16%	0.43%
Tăng lũy kế (YTD)	1.39%	8.40%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	158,800	2.3%	105.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	62,100	-4.8%	3.0%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	118,100	0.3%	54.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	210,100	-2.9%	9.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	84,700	3.3%	149.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	113,000	3.7%	288.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,600	0.8%	72.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,700	-0.5%	54.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,250	2.5%	226.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	53,800	-0.4%	292.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXG	-1.4%	30.0%	73.0
STB	1.7%	20.8%	72.1
SSI	0.7%	37.6%	65.7
MSN	1.5%	28.4%	52.6
NVL	-1.6%	6.4%	49.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HCM	-0.1%	43.1%	-86.9
GAS	-0.5%	2.8%	-40.6
NLG	-1.4%	32.4%	-13.6
GEX	-6.5%	8.6%	-24.7
VIC	-2.2%	12.6%	-75.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-8.5%	1.3%	1.9
BCC	1.7%	1.8%	0.5
CEO	-4.8%	0.5%	0.4
HOM	1.9%	1.0%	0.4
VTV	1.1%	0.4%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	0.8%	8.3%	-17.4
CAN	8.6%	23.0%	-9.4
TNG	3.1%	1.9%	-1.3
THD	-1.6%	1.5%	-1.2
PVS	0.6%	8.4%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	7.0%	MWG, AST
Công nghệ thông tin	5.8%	FPT, CMG
Dịch vụ tài chính	5.5%	VND, SSI
Bảo hiểm	4.7%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	4.3%	MSN, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.3%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.0%	TMS, GEX
Ô tô và phụ tùng	-0.6%	HHS, TCH
Y tế	-0.1%	JVC, TNH
Xây dựng và Vật Liệu	0.2%	CTD, ROS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	18.2%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	17.0%	FPT, CMG
Bảo hiểm	15.7%	BVH, BIC
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.0%	PNJ, GIL
Thực phẩm và đồ uống	4.8%	SAB, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-11.8%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-4.9%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.2%	GAS, POW
Truyền thông	-2.1%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	-1.6%	HHS, TCH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	242,908 (10.6)	22.5	72.8	34.7	14.7	4.4	8.4	3.1	2.8	-2.2	-0.7	1.9	-15.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	324,757 (14.2)	26.6	9.4	7.9	35.9	24.9	23.0	2.1	1.7	-0.1	0.7	-2.1	-7.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	160,246 (7.0)	17.8	28.4	19.0	-7.6	8.7	11.8	2.3	2.2	-0.1	3.4	-0.4	11.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	413,732 (18.1)	31.3	31.4	19.7	6.7	15.2	18.7	4.0	3.3	-1.6	7.9	12.1	-5.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	66,787 (2.9)	11.6	23.5	18.9	13.7	13.7	14.4	2.7	2.3	-1.9	-3.0	-6.6	0.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	547,831 (24.0)	13.9	19.0	21.0	-	15.0	12.4	2.1	2.5	-1.4	-6.1	-1.6	23.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	95,493 (4.2)	6.3	14.9	12.3	11.7	20.9	21.7	2.8	2.4	1.9	3.2	-0.4	7.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	100,819 (4.4)	12.7	15.9	11.6	-5.3	17.2	20.2	2.3	1.9	0.5	-0.1	0.5	17.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	278,499 (12.2)	0.0	8.1	6.7	14.3	21.0	20.6	1.5	1.3	1.7	1.5	-0.1	-0.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	177,815 (7.8)	1.4	7.9	6.7	50.3	20.3	20.9	1.4	1.2	0.8	1.7	-0.5	-3.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	547,790 (24.0)	0.0	12.1	9.7	18.8	16.3	17.1	1.9	1.6	4.3	8.6	4.9	11.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	439,700 (19.2)	0.0	8.0	6.6	14.6	23.7	23.2	1.7	1.4	2.1	2.1	1.4	15.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	102,446 (4.5)	4.2	8.1	7.0	23.3	21.8	19.8	-	-	0.9	2.5	3.6	-6.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	497,922 (21.8)	14.0	12.1	8.3	26.5	13.9	17.8	1.6	1.3	1.7	0.3	1.1	2.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	183,813 (8.0)	0.0	9.7	7.8	37.4	23.0	22.6	2.0	1.6	0.9	2.9	1.0	0.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	23,252 (1.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.4	-2.5	15.7	8.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	77,646 (3.4)	21.0	21.9	18.8	15.8	10.2	11.1	2.1	2.0	2.2	5.7	9.2	16.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	29,802 (1.3)	14.2	21.0	19.0	9.1	13.1	13.5	2.3	2.1	0.2	1.6	8.8	-0.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	419,527 (18.4)	55.4	19.9	18.8	-3.2	15.2	15.2	-	-	0.7	5.4	-4.3	-13.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	152,062 (6.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.5	1.7	-8.3	-20.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	127,525 (5.6)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.1	2.8	-7.4	-22.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	385,995 (16.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.6	14.7	13.6	6.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	250,164 (10.9)	42.1	16.5	15.2	4.0	31.3	32.9	4.8	4.5	-1.4	4.1	1.8	-8.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,983 (1.1)	36.9	25.3	21.0	7.3	19.6	21.4	4.6	4.1	2.0	7.3	5.9	12.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	149,010 (6.5)	16.5	33.3	9.2	-51.9	17.9	23.0	4.9	4.3	1.5	6.8	-4.6	-10.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	128,687 (5.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.4	-2.9	0.0	-17.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	135,740 (5.9)	11.0	122.7	24.7	-88.5	6.8	19.8	-	-	-0.4	0.4	1.1	9.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	209,155 (9.1)	10.8	24.1	21.1	-57.0	12.2	13.6	2.7	2.5	-2.4	1.0	5.6	22.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	281,172 (12.3)	38.4	11.2	14.7	65.7	14.1	9.3	1.5	1.5	1.4	5.8	-4.5	-31.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	146,374 (6.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-7.0	-	-	-52.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	599,025 (26.2)	37.7	18.1	13.3	-14.4	12.0	15.1	-	-	-6.5	-2.0	10.2	-8.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	84,606 (3.7)	3.6	18.8	14.0	-52.4	4.2	5.4	0.8	0.7	-6.4	-9.0	-4.4	-18.8
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	64,171 (2.8)	0.0	13.1	11.0	-4.5	13.8	14.4	1.8	1.6	3.3	4.1	13.1	22.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	98,249 (4.3)	46.1	18.8	17.4	-17.5	20.5	19.5	3.8	3.6	-0.5	3.3	-3.6	18.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,240 (0.8)	31.4	12.9	10.3	-10.5	14.3	15.8	1.6	1.5	3.4	1.5	4.8	-8.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,932 (0.1)	34.1	15.9	9.9	-5.1	10.1	17.3	1.4	1.3	-0.9	-0.7	-2.2	-8.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,060,609 (46.4)	18.0	7.1	7.0	21.9	29.3	24.5	1.8	1.5	2.5	3.8	-5.1	1.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	497,738 (21.8)	36.5	7.5	15.7	-0.5	32.8	17.8	2.4	3.1	-4.8	-8.9	3.0	24.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	404,265 (17.7)	46.5	8.6	12.7	-4.5	29.9	17.6	2.2	2.0	-6.4	10.8	-1.5	8.2
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	414,405 (18.1)	38.9	5.8	6.6	67.9	24.0	19.9	1.3	1.1	0.8	-1.0	-	-3.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	119,033 (5.2)	97.2	17.9	17.9	17.2	7.0	-	1.2	1.2	-1.9	-1.3	-0.3	-9.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	135,593 (5.9)	4.6	18.8	6.8	-51.0	15.5	16.6	2.1	2.0	-0.2	1.8	-8.3	3.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	289,922 (12.7)	39.9	32.6	16.8	-11.9	3.3	5.9	1.0	1.0	-0.6	-4.1	-3.6	14.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	145,081 (6.3)	35.9	9.2	7.9	2.2	16.5	16.4	1.3	1.1	-2.2	-4.3	10.6	1.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	231,840 (10.1)	0.0	17.7	14.9	14.4	28.4	28.4	4.7	4.0	2.3	10.0	16.9	16.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	136,086 (6.0)	0.0	20.2	16.5	2.4	20.9	20.8	3.7	3.0	0.3	9.0	11.2	22.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	13,341 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	-4.1	12.8	5.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	142,591 (6.2)	30.3	20.2	17.0	-75.2	30.7	29.9	5.6	4.6	1.9	0.3	20.3	56.1
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	51,209 (2.2)	34.6	11.0	12.4	41.2	35.0	25.3	3.1	2.7	-1.9	3.6	1.1	15.6
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,778 (0.2)	45.4	17.7	16.3	10.7	20.1	19.9	3.3	3.0	-1.1	-3.8	-7.9	-5.5
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	248,913 (10.9)	0.0	20.4	16.3	15.5	27.3	29.5	4.9	4.2	3.7	6.6	20.9	21.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.